TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 9 - 2022
V/v tranh chấp "hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tố Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HN ngày 20/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HN ngày 09/8/2022 và các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1962, nơi cư trú: 6433 Dicks Ave Philadelphia, PA 19142, Hoa Kỳ, vắng mặt.

Địa chỉ liên lạc: 24 Lê Văn Nhung, Mỹ Bình,Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Bà Trịnh Thị Phương M, sinh năm 1966, nơi cư trú: Lô F 04 Khu dân cư Đức Thành, đường Đức Thành, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn ông Trần Mạnh H trình bày:

Ông Trần Mạnh H với bà Trịnh Thị Phương M đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang số 46 ngày 06-6-1989. Sau khi kết hôn bà Trịnh Thị Phương M và ông Trần Mạnh H chung

sống tại 152/5 Bùi Văn Danh, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do thời gian tìm hiểu ngắn nên có nhiều bất đồng trong quan niệm sống, ông H và bà M đã cố gắng khắc phục hàn gắn. Năm 1990 ông H làm thủ tục xuất cảnh đi Mỹ bà M vẫn ở lại Việt Nam. Sau khi ổn định ông H đã trao đổi với bà M làm thủ tục bảo lãnh cho bà M để đoàn tụ gia đình nhưng bà M từ chối và không liên hệ với ông H. Mục đích hôn nhân không còn, không xây dựng gia đình hạnh phúc nên việc kéo dài tình trạng hôn nhân không có lợi và ảnh hưởng đến cuộc sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Trịnh Thị Phương M đã được Tòa án tống đạt và niên yết các thủ tục tố tụng nhưng bà Trịnh Thị Phương M không đến Tòa án và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Ngày 25/4/2022, ông H có đơn yêu cầu không hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa công bố các đơn và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Trịnh Thị Phương M, sinh năm 1966, nơi cư trú: Lô F 04 Khu dân cư Đức Thành, đường Đức Thành, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nguyên đơn có nơi cư trú tại 6433 Dicks Ave Philadelphia, PA 19142, Hoa Kỳ. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trịnh Thị Phương M đã được Tòa án tống đạt, niên yết các văn bản tố tụng nhưng bà Trịnh Thị Phương M không đến Tòa án và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sựCăn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Trần Mạnh H và bà Trịnh Thị Phương M có quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, theo

giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 06-6-1989 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và trình bày: Sau khi kết hôn bà Trịnh Thị Phương M và ông Trần Mạnh H chung sống tại 152/5 Bùi Văn Danh, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do thời gian tìm hiểu ngắn nên có nhiều bất đồng trong quan niệm sống, ông H và bà M đã cố gắng khắc phục hàn gắn. Năm 1990 ông H làm thủ tục xuất cảnh đi Mỹ bà M vẫn ở lại Việt Nam. Sau khi ổn định ông H đã trao đổi với bà M làm thủ tục bảo lãnh cho bà M để đoàn tụ gia đình nhưng bà M từ chối và không liên hệ với ông H. Mục đích hôn nhân không còn, không xây dựng gia đình hạnh phúc nên việc kéo dài tình trạng hôn nhân không có lợi và ảnh hưởng đến cuộc sống.

Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện ly hôn. Về phía bị đơn không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Xét, vợ chồng do xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bất hòa và không thể tiếp tục sống chung, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung, đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Mạnh H.

1. Ông Trần Mạnh H được ly hôn với bà Trịnh Thị Phương M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 06-6-1989 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Trần Mạnh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000115 ngày 12/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Trần Mạnh H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Trần Mạnh H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của bà Trịnh Thị Phương M là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Tòa Gia đình và NCTN;
- Uỷ ban nhân dân phường M;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Tố Giang